

### 第三届南宁象棋国际邀请赛团体成绩

The 3<sup>rd</sup> Nanning Xiangqi International Invitational Tournament  
Team Result

名次 Rank	队名 Name of team	单位 代码 Teams No	总得分 Total Point	队员 Players	成绩 Results
1	越南三队 vietnam team3	10	6	范启源 Diep Khai Nguyen	1
				武明一 Vo minh Nhat	5
2	越南一队 Vietnam team1	8	7	陶高科 Đào Cao Khoa	3
				武友强 Vũ Hữu Cường	4
3	广西南宁 Guangxi Nanning	5	9	张海宁 Zhang Haining	2
				冯明光 Feng Mingguang	7
4	加拿大西队 Canada West	4	20	柯勇前 Ke Yongqian	8
				顾亿庆 Gu Yiqing	12
5	越南二队 Vietnam team2	9	21	陈决胜 Trần Quyết Thắng	6
				阮黄坚 Nguyễn Hoàng Kiên	15
6	广西 Guangxi	11	21	秦劲松 Qin Jingsong	10
				秦 荣 Qin Rong	11
7	中华台北 Taipei	6	23	郭胜文 Guo Shengwen	9
				游源硕 You Yuanshuo	14
8	澳大利亚 Australia	2	30	邝锦光 Kuang Jinguang	13
				张高扬 Zhang Gaoyang	17
9	日本 Japan	7	36	所司和晴 SHOSHI Kazuharu	16
				阿部秀俊 ABE Hidetoshi	20
10	加拿大东队 Canada East	3	37	江颂涛 Jiang Songtao	18
				程颂理 Cheng Songli	19

### 第三届南宁象棋国际邀请赛个人成绩

The 3<sup>rd</sup> Nanning Xiangqi International Invitational Tournament Individual Result

名次 Rank	选手名 Players	选手号 Players No	队名 Name of Team	积分 Point	对手分 Opponent score	胜局	犯规	后胜局	后手局
1	范启源 Diep Khai Nguyen	18	越南三队 vietnam team3	12	59	5		3	3
2	张海宁 Zhang Haining	8	广西南宁 Guangxi Nanning	11	59	5		3	4
3	陶高科 Đào Cao Khoa	13	越南一队 Vietnam team1	10	55	4		1	3
4	武友强 Vũ Hữu Cường	14	越南一队 Vietnam team1	10	50	4		1	3
5	武明一 Vo minh Nhat	17	越南三队 vietnam team3	9	59	3		2	3
6	陈决胜 Trần Quyết Thắng	16	越南二队 Vietnam team2	8	61	3		1	4
7	冯明光 Feng Mingguang	7	广西南宁 Guangxi Nanning	8	48	4		1	3
8	柯勇前 Ke Yongqian	6	加拿大西队 Canada West	8	43	3			3
9	郭胜文 Guo Shengwen	9	中华台北 Taipei	7	62	2		1	3
10	秦劲松 Qin Jingsong	19	广西 Guangxi	7	57	3			4
11	秦荣 Qin Rong	20	广西 Guangxi	7	52	3		2	4
12	顾亿庆 Gu Yiqing	5	加拿大西队 Canada West	7	39	3		1	3
13	邝锦光 Kuang Jingguang	1	澳大利亚 Australia	7	38	2		1	3
14	游源硕 You Yuanshuo	10	中华台北 Taipei	6	49	2		1	4
15	阮黄坚 Nguyễn Hoàng Kiên	15	越南二队 Vietnam team2	6	49	2		1	4
16	所司和晴 SHIOSHI Kazuharu	11	日本 Japan	6	38	2		2	4
17	张高扬 Zhang Gaoyang	2	澳大利亚 Australia	5	38	2		1	4
18	江颂涛 Jiang Songtao	4	加拿大东队 Canada East	4	44	2		2	4
19	程颂理 Cheng Songli	3	加拿大东队 Canada East	2	43	1			4
20	阿部秀俊 ABE Hideroshi	12	日本 Japan		37				3